

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2025
V/v tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hạnh và ông Triệu Văn Ngân
- **Thư ký phiên tòa:** Bà La Quỳnh Anh; Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Mã Ngọc Cẩm - Kiểm sát viên
- Trong ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1965 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên.
 - Bị đơn: Ông Dương Văn P, sinh năm 1967 (có mặt);
Địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị Q trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nảy sinh nhiều mâu thuẫn một phần do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Một phần do ông P thường xuyên đi làm ăn xa, ít khi về nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông P.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 18/4/1993. Con chung đã thành niên, phát triển khoẻ mạnh, bình thường, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2025 và tại phiên toà, bị đơn ông Dương Văn P trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, ông P thường xuyên đi làm ăn xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông nhất trí với ý kiến của bà Q yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Q.

* Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 18/4/1993. Con chung đã thành niên, phát triển khoẻ mạnh, bình thường, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại công văn số 94/UBND-VP ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên cung cấp thông tin như sau: Sau khi kiểm tra sổ đăng ký hộ tịch tại địa phương và dữ liệu hộ tịch điện tử không có thông tin về việc đăng ký kết hôn của ông Dương Văn P và bà Hoàng Thị Q.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận bà Hoàng Thị Q và ông Dương Văn P là vợ chồng. Về con chung đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Q có đơn khởi kiện Toà án giải quyết không công nhận bà và ông Dương Văn P là vợ chồng. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Bị đơn ông Dương Văn P cư trú tại thôn T, xã C, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án

nhân dân khu vực vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị Q và bị đơn ông Dương Văn P đều đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Toà án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hoà giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Q và ông Dương Văn P đều thừa nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Sự thừa nhận của các bên phù hợp với thông tin của UBND xã C cung cấp tại công văn số 94/UBND-VP ngày 18/7/2025. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Q và ông Dương Văn P không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống bà Q và ông P nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân, bị đơn ông Dương Văn P cũng xác định tình cảm không còn và nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp: *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ..."*. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"* và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Hoàng Thị Q và ông Dương Văn P là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Q và ông P có 01 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 18/4/1993. Con chung đã thành niên, phát triển khoẻ mạnh, bình thường. Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà Hoàng Thị Q phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị Q và ông Dương Văn P.

2. Về con chung: Bà Q và ông P có 01 con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 18/4/1993. Con chung đã thành niên, phát triển khoẻ mạnh, bình thường, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000132 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- UBND xã Côn Minh;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tạ Huyền Trang